

Số: 1173 /QĐ-VP

Tây Ninh, ngày 07 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán chi ngân sách năm 2023
của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc tổ chức lại Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh thành Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản trị - Tài vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách năm 2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, với số tiền là: **20.417.268.073 đồng** (Hai mươi tỷ, bốn trăm mười bảy triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn không trăm bảy mươi ba đồng) (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Trưởng phòng Quản trị - Tài vụ, Trưởng các phòng, ban, Trung tâm thuộc Văn phòng và Kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc NN Tỉnh (p/h);
- LĐVP, QTTV;
- Các phòng, ban, trung tâm;
- Lưu VT.

(Công khai thu chi du toán)

CHÁNH VĂN PHÒNG



Đoàn Minh Long

Đơn vị: **VĂN PHÒNG UBND TỈNH**
Chương: **405**



DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 1175/QĐ-VP ngày 07/02/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	21.413.560.160
1	Chi quản lý hành chính	16.896.598.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	11.734.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.443.598.000
1.3	Kinh phí cải cách tiền lương	719.000.000
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	806.853.260
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	806.853.260
6	Chi hoạt động kinh tế	1.675.000.000
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.675.000.000
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
11	Chi Chương trình mục tiêu	1.620.208.900
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	1.620.208.900
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>	
	<i>I. Nguồn Ngân sách tỉnh KTC sau 30/9 (MDP 200)</i>	
	1. Kinh phí thực hiện công tác dân tộc (Loại 340-Khoản 341)	156.876.900
	2. Kinh phí đối ứng thực hiện CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Loại 160 - Khoản 171) (MDA: 00510-00521)	15.000.000
	3. Kinh phí đối ứng thực hiện CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Loại 280 - Khoản 338) (MDA: 00510-00521)	2.000.000
	4. Kinh phí đối ứng thực hiện CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Loại 370 - Khoản 398) (MDA: 00510-00519)	187.000.000
	5. Kinh phí đối ứng thực hiện CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Loại 340 - Khoản 341) (MDA: 00510-00521)	4.350.000
	<i>II. Nguồn Ngân sách Trung ương KTC sau 30/9 (MDP 100)</i>	
	1. Kinh phí Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn (Loại 370 - Khoản 398) (MDA: 00510-00519)	1.138.000.000
	2. Kinh phí Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá về việc tổ chức thực hiện chương trình (Loại 280 - Khoản 338) (MDA: (00510-00521)	13.000.000
	3. Kinh phí Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá về việc tổ chức thực hiện chương trình (Loại 160 - Khoản 171) (MDA: (00510-00521)	103.982.000
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>	
12	Chi khác ngân sách	414.900.000
	<i>Ngân sách tỉnh KTC sau 30/9 (KP khóa số cuối năm)</i>	120.000.000
	<i>Ngân sách tỉnh KTC sau 30/9 (KP hợp tác HN VN-CPC)</i>	294.900.000

Đơn vị: VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH

Chương: 405

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 07 tháng 02 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Văn phòng UBND tỉnh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2023 như sau:

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2023	Thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện năm /202 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Nguồn thu phí, lệ phí				
1	Tổng số thu phí, lệ phí phát sinh				
	- Phí Đăng ký kinh doanh				
	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại				
	- Phí Đăng ký kinh doanh				
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
	- Phí Đăng ký kinh doanh				
II	Nguồn ngân sách trong nước	21.413.560.160	20.417.268.073	95,3%	
1	Chi quản lý hành chính	16.896.598.000	16.710.827.352	99%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	12.453.000.000	12.338.415.853	184%	
	+ Kinh phí khoán	11.734.000.000	11.734.000.000	100%	
	+ Cải cách tiền lương	719.000.000	604.415.853	84%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.443.598.000	4.372.411.499	98%	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2023	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện năm /202 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi bảo đảm xã hội	806.853.260	806.853.260	100%	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	806.853.260	806.853.260	100%	
	Kinh phí phục vụ tết ND Quý Mão 2023	806.853.260	806.853.260	100%	
	Chi chương trình MTQG, chương trình 135		0		
5	Chi hoạt động kinh tế	1.675.000.000	1.654.546.580	98,8%	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.675.000.000	1.654.546.580	101,5%	
	Kinh phí Trung tâm Công báo Tin học- KP khoán	1.596.000.000	1.620.388.694	101,5%	
	Kinh phí Trung tâm Công báo Tin học- CCTL	79.000.000	34.157.886	43,2%	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0,0%	
	Kinh phí Trung tâm Công báo Tin học	0	0		
6	Khác ngân sách	414.900.000	414.900.000	100,0%	
	Ngân sách tỉnh KTC sau 30/9 (kinh phí khóa sổ cuối năm)	120.000.000	120.000.000	100,0%	
	Ngân sách tỉnh KTC sau 30/9 (kinh phí hợp mặt HN VN-CPC)	294.900.000	294.900.000	100,0%	
7	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	1.620.208.900	830.140.881	51,2%	
	I. Nguồn Ngân sách tỉnh (MDP 200)				
	1. Kinh phí thực hiện công tác dân tộc (Loại 340-Khoản 341)	156.876.900	140.581.391	89,6%	
	2. Kinh phí đối ứng thực hiện CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Loại 160 - Khoản 171) (MDA: 00510-00521)	15.000.000	0	0,0%	
	3. Kinh phí đối ứng thực hiện CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Loại 280 - Khoản 338) (MDA: 00510-00521)	2.000.000	0	0,0%	
	4. Kinh phí đối ứng thực hiện CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Loại 370 - Khoản 398) (MDA: 00510-00519)	187.000.000	89.864.720	48,1%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2023	Thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện năm /202 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	5. Kinh phí đối ứng thực hiện CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Loại 340 - Khoản 341) (MDA: 00510-00521)	4.350.000	0	0,0%	
II. Nguồn Ngân sách Trung ương (MDP 100)					
	1. Kinh phí Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn (Loại 370 - Khoản 398) (MDA: 00510-00519)	1.138.000.000	595.842.320	52,4%	
	2. Kinh phí Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá về việc tổ chức thực hiện chương trình (Loại 280 - Khoản 338) (MDA: (00510-00521)	13.000.000	0	0,0%	
	3. Kinh phí Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá về việc tổ chức thực hiện chương trình (Loại 160 - Khoản 171) (MDA: (00510-00521)	103.982.000	3.852.450	3,7%	

Ngày 07 tháng 02 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị *mk*



Đoàn Minh Long